

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH LỚP 3 – HK2

### (I learn Smart Start 3)

#### A. Tổng hợp từ vựng và mẫu câu từ Unit 5 đến Unit 8

|   | VOCABULARY                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | STRUCTURES                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <p><b>- Unit 5: Sports and hobbies (Thể thao và sở thích)</b><br/> <b>Sports:</b> badminton, tennis, volleyball, basketball, soccer<br/> <b>Activities and hobbies:</b> hitting, kicking, catching, throwing, watch TV, go skateboarding, go out, go swimming<br/> <b>Parts of the body:</b> hand, arm, foot/feet, leg, head, body</p>                                                                                                        | <p>- Can you play + môn thể thao? (Bạn có thể chơi ...?)<br/> Can you play soccer?<br/> - Yes, I can. / No, I can't.<br/> - What are you good at?<br/> I'm good at <b>kicking</b>. (<i>hitting/catching/throwing</i>)<br/> -May I watch TV?<br/> → Yes, you may./ No, you may not.<br/> I use my legs and feet in soccer. (<b>parts of the body</b>)<br/> I can kick the ball in soccer.<br/> I can't kick the ball in basketball.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2 | <p><b>- Unit 6: Clothes (quần áo)</b><br/> <b>- Các loại áo:</b> shirt, T-shirt, polo shirt, sweater, jacket<br/> <b>- Các loại quần:</b> pants, shorts, jeans<br/> <b>- Các loại váy đầm, đồ bộ ngủ:</b> dress, skirt, pajamas<br/> <b>- Các loại giày dép:</b> boots, sneakers, shoes,<br/> <b>- Các loại phụ kiện tất vớ, dây nịt, khăn cổ, cà vạt:</b> socks, belt, scarf, tie</p> <p>- uniform: đồng phục<br/> - skiing: trượt tuyết</p> | <p>- What do you want? (Bạn muốn gì?- quần áo)<br/> - I want a dress/ I want some socks.<br/> <i>Sử dụng "a" đi kèm các danh từ trang phục số ít, đơn chiếc:</i> dress, shirt, T-shirt, skirt, jacket, scarf, belt, sweater, tie,...<br/> <i>Sử dụng "some" đi kèm các danh từ trang phục số nhiều, đôi, cặp:</i> shorts, socks, pants, boots, jeans, sneakers, pajamas,...<br/> - What are you wearing?<br/> → I'm wearing <b>blue jeans./ yellow boots</b>....<br/> - Is that your belt?<br/> (Đó có phải chiếc thắt lưng của bạn không?)<br/> Yes, it is./ No, it isn't.<br/> - Are those your pajamas?<br/> (Đó là những bộ đồ ngủ của bạn phải không?)<br/> Yes, they are./ No they aren't.<br/> <i>That is....: đó là, kia là</i><br/> <i>Those are....: đó là những, kia là những,...</i><br/> <b>That, Those:</b> kia, đó (chỉ khoảng cách xa)<br/> <i>That is:</i> chỉ một...<br/> <i>Those are:</i> chỉ nhiều (từ 2 trở lên)</p> |
| 3 | <p><b>Unit 7: Toys (đồ chơi)</b><br/> <b>- Vocab:</b><br/> robot, doll, car, card, block, dice,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>- What can you see?<br/> I can see a <b>big doll</b>./ I can see a <b>small</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | <p>- toy box, wardrobe</p> <p>- <b>Adjectives:</b> (tính từ): big, small</p> <p><b>Prepositions of location:</b> in, on, under</p> <p>- <b>Numbers:</b> from 11-&gt;20:<br/>eleven, twelve, thirteen, fourteen,<br/>fifteen, sixteen, seventeen, eighteen,<br/>nineteen, twenty.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>- <b>How many marbles do you have?</b><br/>(Câu hỏi về số lượng, bao nhiêu?)<br/>Bạn có bao nhiêu viên bi?<br/>→ I have five marbles.<br/>(Tôi có 5 viên bi.)</p> <p>- <b>Put the ball <u>on</u> the chair.</b><br/>(Đặt trái banh trên chiếc ghế)</p> <p><b>Addition and subtraction:</b> (Tính toán phép cộng và trừ với các số phạm vi 1-20)</p> <p>- Seven <b>plus</b> twelve is nineteen.<br/>(<b>plus</b>: cộng, thêm vào)</p> <p>- Twenty <b>minus</b> six is fourteen.<br/>(<b>minus</b>: trừ, bớt)</p>                                                                                                              |
| 4 | <p><b>Unit 8: Food (thức ăn)</b></p> <p>- apple, banana, carrot, cupcake, donut</p> <p>- onion tomato, egg, potato, lime</p> <p><b>Chú ý các hình thức số nhiều của danh từ:</b><br/>apples, bananas, carrots, cupcakes, donuts, eggs, onions,</p> <p><b>tomatoes, potatoes</b><br/><b>lime</b> (chanh vỏ vàng/ chanh Tây)<br/><b>lemon</b> (chanh vỏ xanh/ chanh ta)</p> <p>- fries, pizza, cake, ice-cream, chicken, fish, noodles.</p> <p>- <b>Tools for food/ kitchen:</b><br/>knife, fork, spoon, chopsticks</p> <p><b>Culture: Eating in the USA/ Vietnam</b></p> | <p>- <b>There is an apple.</b></p> <p>- <b>There are eight cupcakes.</b></p> <p>- <b>Are there any tomatoes?</b><br/>Yes, they are some tomatoes.<br/>No, they aren't.</p> <p>- <b>Is there an onion?</b><br/>Yes, there is an onion./ No, there isn't.</p> <p>- <b>Would you like <u>some fries</u>?</b><br/>(Bạn có muốn 1 chút khoai tây chiên không?)<br/><b>Yes, please. / Sure, thanks.</b> (Vâng/ chắc chắn rồi, cảm ơn- lời đáp đồng ý)<br/><b>No, thank you.</b> (Không cảm ơn – lời đáp không đồng ý.)</p> <p>We eat ice cream with a spoon.<br/>We often eat chicken.<br/>My favorite food is fish.</p> <p>.....</p> |

## B. PRACTICE.

### EXERCISES

#### I. Odd one out:

- |                 |               |                |               |
|-----------------|---------------|----------------|---------------|
| 1. A. pajamas   | B. shirt      | C. pants       | D. socks      |
| 2. A. soccer    | B. basketball | C. throwing    | D. badminton  |
| 3. A. go skiing | B. playing    | C. go swimming | D. go jogging |
| 4. A. red       | B. blue       | C. black       | D. color      |
| 5. A. stand     | B. sing       | C. dance       | D. play       |
| 6. A. polo      | B. socks      | C. shirt       | D. cap        |
| 7. A. dress     | B. cap        | C. skirt       | D. shoes      |
| 8. A. marbles   | B. card       | C. robot       | D. doll       |
| 9. A. stand     | B. sing       | C. dance       | D. play       |
| 10. A. polo     | B. socks      | C. shirt       | D. cap        |
| 11. A. hand     | B. head       | C. body        | D. leg        |
| 12. A. knives   | B. chopsticks | C. spoons      | D. noodles    |
| 13. A. hand     | B. head       | C. body        | D. leg        |
| 14. A. pajamas  | B. shirt      | C. pants       | D. socks      |
| 15. A. fish     | B. chicken    | C. steak       | D. ice cream  |

#### II. Tick Yes (v) or No (x) :

|                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                      |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |
| kicking <input type="checkbox"/>                                                    | soccer <input type="checkbox"/>                                                     | throwing <input type="checkbox"/>                                                   | pajamas <input type="checkbox"/>                                                     | badminton <input type="checkbox"/>                                                    |
|  |  |  |  |  |
| skirt <input type="checkbox"/>                                                      | go skating <input type="checkbox"/>                                                 | shirt <input type="checkbox"/>                                                      | watch TV <input type="checkbox"/>                                                    | belt <input type="checkbox"/>                                                         |

|                                                       |                                                                                     |                                                             |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. We are playing soccer.<br><input type="checkbox"/> |  | 2. Put the doll in the toy box.<br><input type="checkbox"/> |  |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                             |                                                                                   |                                                        |                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 3. My favorite food is chicken.<br><input type="checkbox"/> |  | 4. I can see a small doll.<br><input type="checkbox"/> |  |
| 5. It's seventeen.<br><input type="checkbox"/>              |  | 6. I have nine blocks.<br><input type="checkbox"/>     |  |

### III. Choose the correct answer:

- Can you play soccer?
  - Yes, I do
  - Yes, I can
  - No, I can
- What's your favorite sport?
  - I like badminton.
  - It's ice-cream.
  - I like throwing.
- What are you good at?
  - I like playing basketball.
  - I like swimming.
  - I'm good at kicking.
- May I go skateboarding?
  - Yes, you may
  - No, you can't
  - Yes, I do
- I can ..... the ball with my legs
  - head
  - kick
  - arms
- What do you want?
  - I'm wearing a shirt.
  - I wants some socks.
  - I want a cap.
- What are you wearing?
  - I'm wearing blue jeans.
  - I'm wear blue pants.
  - I wear blue pants.
- ..... three onions?
  - There
  - Are there
  - There are
- I can see a.....
  - big car
  - car big
  - car is big

10. Is this your cap?

- a. Yes, it is.                      b. No, they aren't.                      c. Yes, it does.

11. Are these your shoes?

- a. Yes, it is                      b. No, it isn't                      c. No, they aren't

12. Are you wearing a white polo?

- a. Yes, I am                      b. Yes, you are                      c. No, you aren't

13. Seven plus eleven is .....

- a. seventeen.                      b. eighteen.                      c. nineteen.

#### IV. Find the mistakes and correct:

1. What does she wants? - She wants a pink hat. ....
2. Can you playing soccer? – Yes, I can .....
3. Where are you good at? - hitting .....
4. How many marble do you have? .....
5. Twenty minus six is.....? – fifteen .....
6. Push the doll on the chair. ....
7. What are you wear? → I'm wearing uniform. ....
8. Does he good at kicking? – No, he isn't .....
9. Are she wearing a yellow dress? – Yes, she is .....
10. What's your favorite sports? – I like badminton. ....
11. Are these your boot? – Yes, they are. ....
12. I can use my arms in soccer. ....

#### V. Translation:

1. Alfie, can you play basketball? .....  
No, I can't. What about you, .....  
grandma? .....
2. What are you good at, Mai? .....  
- I'm good at kicking. ....  
- Good. You can play with .....  
the soccer team. ....
3. I would like some pizza. ....
4. How many cards do you have? .....
5. We eat ice cream with a spoon. ....
6. Nineteen minus twelve is seven. ....
7. Can you use your feet in .....  
volleyball? .....  
No, I can't. I use my hands and arms .....

in volleyball.

8. What are you wearing, Lucy?

I'm wearing a pink skirt and a white jacket.

9. What do you want? This T-shirt is pretty.

10. Do you like these boosts?

Yes, I do.

11. Are those your pajamas, Ben?

Oh yes. They are.

12. What do you wear at school?

I wear a white polo and blue shorts.

## VI. Reorder the words to make the correct sentences.

1. wearing/ pink/ I'm/ a/ dress/ and/ black/ shoes

2. The / can/ catch/ ball/ the/ **goalie**

3. sport/ favorite/ What's/ your?

4. basketball/ like/ I/ but/ good at/ I'm not/ playing it.

5. blue jeans/ an/ I'm/ and/ wearing/ sweater/ orange/

6. are / What / you/ wearing?

7. ice cream? / like / some / you / Would

8. the / can / In soccer, / goalie/ catch / the ball/ and /  
throw

9. Put / robot / the/ toy box / the / in

.....

10. eat/ with/ noodles/ chopsticks/ We

.....

**C. Một số câu hỏi ôn tập phần thi nói: Speaking**

**1. Asking the pupils' hobby and ability :**

- \_\_\_\_\_ Ca

n you play badminton/ volleyball/ basketball/ soccer/ tennis?

*Yes, I can./ No, I can't.*

- \_\_\_\_\_ Ca

n you swim/ dance/ sing,...?

- \_\_\_\_\_ Wh

at are you good at? → *I'm good at....* (dancing/ painting/ kicking/ catching,...)

2. \_\_\_\_\_ As

**king about the clothes and toys:**

- \_\_\_\_\_ Wh

at are you wearing? → *I'm wearing...*

- \_\_\_\_\_ Wh

at do you wear at school? → *I wear ...*

- \_\_\_\_\_ Do

you like your uniform? → *Yes/ No,...*

- \_\_\_\_\_ Ho

w many marbles/ cards/ cars/ dolls... do you have?

- \_\_\_\_\_ Do

you like dolls/ marbles...?

3. \_\_\_\_\_ Tal

**king about the food.**

- \_\_\_\_\_ Wo  
uld you like some cake/ fries/ chickens/..? → Yes, please./ Sure, thanks!  
No, thank you.

- \_\_\_\_\_ Wh  
at is your favorite food ? → My favorite food is/ It's....